| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ C**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 198/2024/HS-ST
Ngày: 23-8-2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Ông Lương Thanh Nhàn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 207/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Tống T (tên gọi khác: D), sinh năm: 1994 tại tỉnh Bình Phước; đăng ký thường trú: Thôn 6, xã H, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tống H, sinh năm: 1969 và bà Huỳnh D, sinh năm: 1971; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/5/2018, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 năm tù về tội: "Cướp tài sản", đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã (nay là thành phố) C từ ngày 15/01/2024 cho đến nay – có mặt;

*Bị hại:*

- Ông Hồ Đ, sinh năm: 1983; đăng ký thường trú: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Ông Nguyễn R, sinh năm: 1970; đăng ký thường trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh An Giang; chỗ ở: Ấp G, xã A, thành phố C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Cháu Nguyễn H, sinh năm: 2010; đăng ký thường trú: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của cháu Hậu:* Bà Nguyễn A, sinh năm: 1981; đăng ký thường trú: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (là mẹ ruột của bị hại H) – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Bà Võ U, sinh năm: 1973; đăng ký thường trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh An Giang; chỗ ở: Ấp G, xã A, thành phố C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Ông Nguyễn D, sinh năm: 1972; đăng ký thường trú: Số 57/3, đường Lê T, phường 7, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bà Huỳnh D, sinh năm: 1971; đăng ký thường trú: Tổ 9, thôn 6, xã H, huyện Đ, tỉnh Bình Phước – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tống T là đối tượng từng bị kết án về tội: "Cướp tài sản". Sau khi chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/02/2020, T sống cùng gia đình tại xã H, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Từ ngày 23/8/2023 đến ngày 10/01/2024, T đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn xã A, thị xã (nay là thành phố) C, tỉnh Bình Dương nhằm đem bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Sáng ngày 23/8/2023, T đi nhờ xe từ tỉnh Bình Phước đến phường P, thị xã (nay là thành phố) C, tỉnh Bình Dương. Sau đó, T đón xe ôm đến khu vực xã A tìm xe mô tô để lấy trộm. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến phía trước Trường tiểu học Hồ H, cạnh đường DT744 thuộc ấp G, xã A, T trèo rào vào khu vực để xe, dùng cây đoản phá khóa mang theo, bẻ khóa xe mô tô hiệu Honda Future, màu đen ghi, biển số 59V2-281.55 của cháu Nguyễn H dựng trước đó để đi học võ. Sau đó, T điều khiển xe chạy ra cổng trường rồi đến khu vực cửa khẩu Hoàng Diệu thuộc huyện Đ, tỉnh Bình Phước, bán xe cho 01 đối tượng không rõ lai lịch được 4.000.000 đồng. Tiền có được, T tiêu xài hết.

- Lần thứ hai: Sáng ngày 29/12/2023, T tiếp tục đón xe ôm đến khu vực xã Phú An tìm xe mô tô để trộm. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến trước nhà của anh Trịnh Phúc Lâm cạnh đường DT744 thuộc ấp T, xã A, T phát hiện có nhiều xe mô tô trong sân, không có người trông coi nên lén lút vào dùng cây đoản bẻ khóa mang theo phá khóa xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển số 61G1-873.71 của anh Hồ Đ. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đến khu vực cửa khẩu D bán xe cho 01 đối tượng không rõ lai lịch được 5.000.000 đồng. Tiền có được, T tiêu xài hết.

- Lần thứ ba: Sáng ngày 14/01/2024, T tiếp tục đón xe ôm đến khu vực xã Phú An tìm xe mô tô để trộm. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi ngang qua tiệm tạp hóa Hương thuộc ấp G, xã A, T phát hiện xe mô tô hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 61K7-450.85 của anh Nguyễn R dựng phía trước tiệm tạp hóa không người trông coi nên lén lút đi vào dùng cây đoản bẻ khóa mang theo để phá khóa xe rồi điều khiển chạy đi. Khi T điều khiển xe đến khu vực phường P thì bị lực lượng Công an xã A truy tìm, phát hiện và bắt giữ cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 67K1-450.85;

- 01 đoạn kim loại màu đen dài khoảng 7,5 cm (01 đầu trụ lục giác, 01 đầu màu dẹp bị cong xoắn).

Theo Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐ ĐGTS ngày 23/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Future, màu đen ghi, biển số 59V2-281.55, trị giá: 9.600.000 đồng;

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển số 61G1-873.71, trị giá: 11.325.000 đồng;

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 67K1-450.85, trị giá: 8.075.000 đồng.

Tổng cộng: 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 67K1-450.85, số máy HC12E256447, số khung 1254FY256354 do bà Võ U (là vợ ông Nguyễn R) đứng tên đăng ký sở hữu. Ngày 24/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) C giao trả xe mô tô 67K1-450.85 cho bà U.

Qua xác minh, xe mô tô hiệu Honda Future, màu đen ghi, biển số 59V2-281.55, số máy JC54E3035035, số khung 5389EZ022558 do ông Nguyễn Hoàng Dương đứng tên đăng ký sở hữu. Tháng 3/2022, ông D cho em ruột là Nguyễn A (mẹ bị hại H) sử dụng nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn A là người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn H yêu cầu Tống T  bồi thường số tiền 9.600.000 đồng; ông Hồ Đ yêu cầu Tống T  bồi thường số tiền 11.325.000 đồng. Bà Huỳnh D là mẹ ruột bị cáo T đã bồi thường cho các bị hại số tiền này. Các bị hại không yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số: 213/CT-VKSBC ngày 05/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Tống T  về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C trình bày luận tội:

+ Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tại Cáo trạng số 213/CT-VKSBC ngày 05/8/2024;

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Tống T từ 02 năm 02 tháng đến 02 năm 04 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

+ Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn kim loại màu đen dài khoảng 7,5 cm (01 đầu trụ lục giác; 01 đầu màu dẹp bị cong xoắn).

Bị cáo không bào chữa, không phát biểu ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Tống T : Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã (nay là thành phố) C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Tống T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 23/8/2023 đến ngày 14/01/2024, tại khu vực xã A, thị xã (nay là thành phố) C, tỉnh Bình Dương, Tống T đã 03 lần lén lút trộm tài sản, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/8/2023, T lấy trộm xe mô tô hiệu Honda Future, màu đen ghi, biển số 59V2-281.55 của cháu Nguyễn H, trị giá: 9.600.000 đồng;

- Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 29/12/2023, T lấy trộm xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển số 61G1-873.71 của anh Hồ Đ, trị giá: 11.325.000 đồng;

- Lần thứ ba: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 14/01/2024, T lấy trộm xe mô tô hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 61K7-450.85 của anh Nguyễn R, trị giá: 8.075.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản mà bị cáo T chiếm đoạt là 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng).

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Cáo trạng số: 213/CT-VKSBC ngày 05/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương.

Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân từ nguồn thu nhập hợp pháp nhưng vì tham lam, lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do đó đối với bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục.

[3.2] Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luật định là: Bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông ngoại là thương binh; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tình tiết tăng nặng: "Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi" được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 nhằm mục đích bảo vệ trẻ em. Khoản 1 Điều 4 Luật trẻ em quy định: "Bảo vệ trẻ em là phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại trẻ em". Khoản 5 Điều 4 Luật trẻ em quy định: "Xâm hại trẻ em là hành vi gây tổn hại về thể chất, tình cảm, tâm lý, danh dự, nhân phẩm của trẻ em dưới các hình thức bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em và các hình thức gây tổn hại khác". Như vậy, tình tiết phạm tội đối với người dưới 16 tuổi được áp dụng khi có hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của trẻ em theo quy định của Luật trẻ em. Xét thấy, khi thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 59V2-281.55 của cháu Nguyễn H (sinh năm: 2010) bị cáo T không biết chủ sở hữu là ai. Về mặt ý thức, bị cáo không cố ý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người dưới 16 tuổi. Trong vụ án này, khách thể của tội phạm xâm phạm là quyền sở hữu tài sản nên việc áp dụng tình tiết phạm tội đối với người dưới 16 tuổi là không phù hợp với tinh thần của pháp luật, gây bất lợi cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C về việc áp dụng tình tiết tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: "Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi" được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Nguyễn Phúc Hậu.

[3.4] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị kết án về tội cướp tài sản nhưng không sửa đổi bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: "Phạm tội 02 lần trở lên" và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra cũng như nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng nên có cơ sở chấp nhận.

Xét không có cơ sở chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C về việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: "Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi" đối với bị cáo (đã phân tích tại mục [3.3]).

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Võ U đã nhận lại xe mô tô hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 67K1-450.85, bà U không có yêu cầu gì thêm nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Ngày 15/8/2024, bà Huỳnh Dlà mẹ ruột của bị cáo T đã bồi thường giá trị tài sản bị trộm cắp cho bà Nguyễn A (là người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn H) số tiền 9.600.000 đồng; bồi thường cho ông Hồ Trung Đại số tiền 11.325.000 đồng. Bà A, ông Đ không có yêu cầu gì thêm nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Bà D bồi thường thay cho bị cáo T và không yêu cầu bị cáo phải chịu trách nhiệm trả lại số tiền này nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[6] Về vật chứng:

Ngày 24/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố C) đã giao trả cho bà Võ U xe mô tô hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 67K1-450.85 là phù hợp.

Đối với 01 đoạn kim loại màu đen dài khoảng 7,5 cm (01 đầu trụ lục giác, 01 đầu màu dẹp bị cong xoắn) là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với đối tượng mua xe của T (không xác định được nhân thân, lai lịch), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đang tiếp tục điều tra làm rõ, khi xác định được sẽ xử lý sau.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 47, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 106, Điều 136, Điều 260, Điều 299, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Tống T  phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Tống T  02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 15/01/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn kim loại màu đen dài khoảng 7,5 cm (01 đầu trụ lục giác, 01 đầu màu dẹp bị cong xoắn).

(Vật chứng đã được giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C  theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/8/2024).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Tống T  phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Dung có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố C;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Xuân**